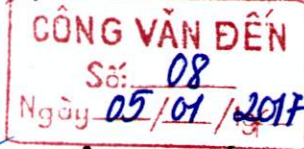


Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2016

Số: 347/TB-HVKHXH



Hc: - pho TCCB tiên khai
for

THÔNG BÁO TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỢT 1 NĂM 2017

- Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT, ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học tại Học viện Khoa học xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 653/QĐ-KHXH ngày 27 tháng 4 năm 2011 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
 - Căn cứ Quy trình đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1516/QĐ-HVKHXH ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội;
 - Căn cứ Quyết định số 5064/QĐ-BGDĐT, ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Chuyển đổi tên chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;
- Học viện Khoa học xã hội thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2017 như sau:

I. CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

1. Ngôn ngữ học, mã số: 62 22 02 40;
2. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, mã số: 62 22 02 41;
3. Ngôn ngữ Việt Nam, mã số: 62 22 01 02;
4. Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, mã số: 62 22 01 09;
5. Hán Nôm, mã số: 62 22 01 04;
6. Lý luận văn học, mã số: 62 22 01 20;
7. Văn học Việt Nam, mã số: 62 22 01 21;
8. Văn học dân gian, mã số: 62 22 01 25;
9. Văn học nước ngoài, mã số: 62 22 02 45;
10. Lịch sử thế giới, mã số: 62 22 03 11;
11. Lịch sử Việt Nam, mã số: 62 22 03 13;
12. Kinh tế chính trị, mã số: 62 31 01 02;
13. Quản lý kinh tế, mã số: 62 34 04 10;
14. Kinh tế học, mã số: 62 31 01 01;
15. Kinh tế phát triển, mã số: 62 31 01 05;
16. Kinh tế quốc tế, mã số: 62 31 01 06;
17. Nhân học, mã số: 62 31 03 02;
18. Văn hóa học, mã số: 62 31 06 40;
19. Tôn giáo học, mã số: 62 22 03 09;
20. Khảo cổ học, mã số: 62 22 03 17;
21. Tâm lý học, mã số: 62 31 04 01;

Đinh

22. Xã hội học, mã số: 62 31 03 01;
23. Triết học, mã số: 62 22 03 01;
24. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, mã số: 62 22 03 02;
25. Logic học, mã số: 62 22 03 04;
26. Đạo đức học, mã số: 62 22 03 06;
27. Mỹ học, mã số: 62 22 03 07;
28. Luật hiến pháp và luật hành chính, mã số: 62 38 01 02;
29. Luật hình sự và tố tụng hình sự, mã số: 62 38 01 04;
30. Luật kinh tế, mã số: 62 38 01 07;
31. Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, mã số: 62 38 01 05
32. Quản trị kinh doanh, mã số: 62 34 01 02
33. Quản lý giáo dục, mã số: 62 14 01 14
34. Chính sách công, mã số: 62 34 04 02
35. Công tác xã hội, mã số: 62 90 01 01
36. Chính trị học, mã số: 62 31 02 01

II. HÌNH THỨC, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Hình thức đào tạo

Các lớp nghiên cứu sinh được tổ chức học theo hình thức chính quy không tập trung.

2. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục;
- Thời gian đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.

Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như trên, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Học viện để thực hiện đề tài nghiên cứu.

3. Địa điểm tổ chức lớp học

- Các lớp nghiên cứu sinh được tổ chức học tại Học viện Khoa học xã hội, 477 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội;

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Tổng chỉ tiêu đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2017 của Học viện Khoa học xã hội dự kiến là 400 chỉ tiêu. Số chỉ tiêu chính thức sẽ được thông báo sau khi Học viện Khoa học xã hội nhận được thông báo xác nhận chỉ tiêu đào tạo năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ tiêu cho mỗi ngành, chuyên ngành tuyển sinh được Hội đồng tuyển sinh trình độ tiến sĩ quyết định dựa trên số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển vào các ngành, chuyên ngành và năng lực đào tạo của các ngành, chuyên ngành của Học viện.

III. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau đây:

a) Có bằng thạc sĩ phù hợp và gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên, ngành, chuyên ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.

Trường hợp các bằng và bảng điểm thạc sĩ hoặc bằng, bảng điểm đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm Văn bản công nhận của Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Có một bài luận về dự định nghiên cứu (theo mẫu), trong đó trình bày rõ ràng các nội dung sau:

- Đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu;
- Lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu;
- Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài;
- Phương pháp nghiên cứu đề tài;
- Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký học nghiên cứu sinh;
- Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo là Học viện Khoa học xã hội;
- Kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo;
- Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu;
- Dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp;
- Đề xuất người hướng dẫn;
- Đề cương nghiên cứu sơ bộ.

c) Có 02 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như Giáo sư, Phó Giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng ngành; hoặc 01 thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng ngành và 01 thư giới thiệu của Thủ trưởng trực tiếp đơn vị công tác của thí sinh.

Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và điểm yếu của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

d) Có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

+ Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo bằng tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật;

+ Bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật.

+ Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ (Phụ lục III – ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1 quy định tại Phụ lục IIIa – ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Loại chứng chỉ	Điểm đạt	Tổ chức cấp
<i>Tiếng Anh</i>		
IELTS	4.5	British Council; IDP Australia và University of Cambridge
TOEFL PBT (ITP)	450	Các trung tâm IIG, IIE hoặc các trung tâm do ETS (Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ) ủy quyền
TOEFL CBT	133	

TOEFL iBT	45	Các cơ sở của nước ngoài
TOEIC	450	
Cambridge Exam	Preliminary PET	
BEC	Business Preliminary	
BULATS	40	
Các ngoại ngữ khác		
Tiếng Nga	TRKI 1	Các cơ sở của nước ngoài
Tiếng Pháp	DELF B1	
	TCF niveau 3	
Tiếng Đức	B1 ZD	
Tiếng Trung	HSK cấp độ 3	
Tiếng Nhật	JLPT N4	
Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ B1 theo Khung chung châu Âu về ngoại ngữ		Do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhân.

đ) Nộp đầy đủ hồ sơ dự tuyển, được xác nhận bởi cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm). Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật;

e) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Học viện (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ);

g) Đủ sức khoẻ để học tập và công tác.

IV. HÌNH THỨC TUYỂN SINH

Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

Việc xét tuyển nghiên cứu sinh được tiến hành thông qua đánh giá hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong hai thư giới thiệu.

V. CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO ĐÚNG, PHÙ HỢP VÀ NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH GẦN VỚI NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

TT	Ngành, chuyên ngành dự tuyển	Ngành, chuyên ngành đúng, phù hợp	Ngành, chuyên ngành gần
1	1. Triết học, mã số: 62 22 03 01; 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, mã số: 62 22 03 02; 3. Logic học, mã số: 62 22 03 04; 4. Đạo đức học, mã số: 62 22 03 06; 5. Mỹ học, mã số: 62 22 03 07.	- Triết học - Chủ nghĩa DVBC & Chủ nghĩa DVLS - Logic học - Đạo đức học - Mỹ học - Chủ nghĩa XHKH - Chính trị học	- Xã hội học - Đông phương học - Văn hóa học - Kinh tế chính trị - Tôn giáo học - Tâm lý học - Quản lý xã hội - Giáo dục chính trị
2	1. Luật hiến pháp và luật hành chính, mã số: 62 38 01 02;	- Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	- Chính trị học - Hành chính học

	2. Luật hình sự và tổ tụng hình sự, mã số: 62 38 01 04; 3. Luật kinh tế, mã số: 62 38 01 07; 4. Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, mã số: 62 38 01 05.	- Luật hiến pháp và luật hành chính - Luật dân sự và tổ tụng dân sự - Luật hình sự và tổ tụng hình sự - Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm - Luật kinh tế - Luật quốc tế	- Chủ nghĩa xã hội khoa học - Quản lý khoa học và công nghệ
3	Văn hóa học, mã số: 62 31 06 40.	- Văn hóa học - Quản lý văn hóa - Ngữ văn - Văn học - Ngôn ngữ học - Đông phương học	- Báo chí học - Bảo tồn bảo tàng - Xã hội học - Hán Nôm - Lịch sử thế giới - Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Lịch sử sử học và sử liệu học
4	Xã hội học, mã số: 62 31 03 01.	- Xã hội học	- Triết học - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Văn hóa học - Tâm lý học - Dân tộc học - Tôn giáo học - Chính trị học - Công tác xã hội - Kinh tế học - Khoa học quản lý - Giáo dục học - Khu vực học
5	Hán Nôm, mã số: 62 22 01 04.	- Ngữ văn chuyên ngành Hán Nôm - Sư phạm chuyên ngành Hán Nôm	- Tiếng Trung - Lịch sử thế giới - Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Lịch sử sử học và sử liệu học - Ngôn ngữ học
6	Khảo cổ học, mã số: 62 22 03 17.	- Khảo cổ học	- Lịch sử thế giới - Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Lịch sử sử học và sử liệu học - Bảo tồn bảo tàng - Địa chất - Văn hóa học

			- Nhân học - Hán Nôm - Lưu trữ học
7	1. Ngôn ngữ học, mã số: 62 22 02 40; 2. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, mã số: 62 22 02 41; 3. Ngôn ngữ Việt Nam, mã số: 62 22 01 02; 4. Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, mã số: 62 22 01 09.	- Ngôn ngữ Việt Nam - Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam - Ngôn ngữ Anh - Ngôn ngữ Pháp - Ngôn ngữ Trung Quốc - Ngôn ngữ học - Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	- Ngữ văn - Hán Nôm - Ngoại ngữ - Xã hội học
8	1. Lý luận văn học, mã số: 62 22 01 20; 2. Văn học Việt Nam, mã số: 62 22 01 21; 3. Văn học dân gian, mã số: 62 22 01 25; 4. Văn học nước ngoài, mã số: 62 22 02 45.	- Lý luận văn học - Văn học Việt Nam - Văn học dân gian - Văn học nước ngoài	- Nhân học - Khu vực học - Báo chí học - Hán Nôm - Ngôn ngữ học
9	1. Kinh tế chính trị, mã số: 62 31 01 02; 2. Quản lý kinh tế, mã số: 62 34 04 10; 3. Kinh tế học, mã số: 62 31 01 01; 4. Kinh tế phát triển, mã số: 62 31 01 05.	- Kinh tế học - Kinh tế chính trị - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế	- Quản trị kinh doanh - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Kinh doanh thương mại - Tài chính - ngân hàng - Kế toán - Quản trị nhân lực - Quản lý kinh tế
10	Kinh tế quốc tế, mã số: 62 31 01 06.	- Kinh tế học - Kinh tế chính trị - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế	- Quản trị kinh doanh - Kinh doanh thương mại - Tài chính - ngân hàng - Kế toán - Chính sách công - Quản lý công - Quản trị nhân lực - Quản lý kinh tế - Quan hệ quốc tế - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Hệ thống thông tin quản lý
11	1. Lịch sử thế giới, mã số: 62 22 03 11; 2. Lịch sử Việt Nam, mã số: 62 22 03 13.	- Lịch sử thế giới - Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Lịch sử sử học và sử liệu học	- Nhân học - Văn học - Văn hóa học - Đông Phương học - Việt Nam học - Quan hệ quốc tế - Khu vực học - Khảo cổ học - Chính trị học - Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước

			- Hồ Chí Minh học - Châu Á học - Đông phương học
12	Tâm lý học, mã số: 62 31 04 01.	Tâm lý học; Tâm lý – giáo dục	- Giáo dục học - Giáo dục mầm non - Giáo dục tiểu học
13	Nhân học, mã số: 62 31 03 02.	- Nhân học - Dân tộc học - Văn hoá học - Lịch sử thế giới - Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Lịch sử sử học và sử liệu học	- Khảo cổ học - Tôn giáo học - Xã hội học - Tâm lý học - Ngôn ngữ học - Văn học dân gian - Việt Nam học - Môi trường nhân văn, sinh thái cảnh quan - Nhân khẩu học - Địa lý học - Chính trị học - Kinh tế học (Kinh tế nông nghiệp, kinh tế phát triển) - Khu vực học - Bảo tồn bảo tàng - Triết học (Triết học tôn giáo) - Quản lý xã hội - Môi trường trong Phát triển bền vững - Báo chí - Biên tập – xuất bản
14	Tôn giáo học, mã số: 62 22 03 09.	- Tôn giáo học	- Chính trị học - Xã hội học - Văn hóa học - Triết học - Lịch sử thế giới - Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc - Lịch sử Việt Nam - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Lịch sử sử học và sử liệu học - Hán Nôm - Tâm lý học - Nhân học
15	Quản trị kinh doanh, mã số: 62 34 01 02	- Quản trị kinh doanh - Quản trị nhân lực - Kinh doanh thương mại - Tài chính – ngân hàng	- Chính sách công - Hành chính công - Quản lý công - Quan hệ quốc tế

		- Kế toán - Quản lý kinh tế - Kinh tế học - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Kinh tế chính trị	- Hệ thống thông tin quản lý - Kinh tế xây dựng - Kinh tế nông nghiệp - Kinh tế tài nguyên, môi trường, đô thị - Kinh tế giao thông vận tải - Kinh tế thủy lợi - Kinh tế công nghiệp - Kinh tế bảo hiểm - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị văn phòng
16	Quản lý giáo dục, mã số: 62 14 01 14	- Các ngành Quản lý và Quản lý giáo dục - Giáo dục học - Tâm lý học	Các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và tự nhiên
17	Chính sách công, mã số: 62 34 04 02	- Chính sách công - Hành chính học - Luật học - Quản lý công - Kinh tế - Xã hội - Môi trường - Quản lý - Chính trị học - Công tác xã hội - Quản trị - Văn hóa học - Quốc tế học	Chưa tuyển
18	Công tác xã hội, mã số: 62 90 01 01	- Công tác xã hội - Phát triển xã hội - Tâm lý học - Xã hội học - Chính sách công - Quản trị nhân lực - Quản lý giáo dục - Giáo dục học	Chưa tuyển
19	Chính trị học, mã số: 62 31 02 01	- Chính trị học - Triết học - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước - Quan hệ quốc tế - Chính sách công - Lịch sử - Quản lý hành chính công	Chưa tuyển

		- Hành chính công - Quốc tế học - Giáo dục chính trị (Giáo dục công dân) - Khoa học Quản lý (Quản lý xã hội) - Quản lý nhà nước	
--	--	---	--

VI. HỒ SƠ TUYỂN SINH

1. Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh gồm có:

- Đơn đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh (theo mẫu);
- Công văn cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ quan quản lý nhân sự (đối với người đã có việc làm) hoặc trường (nếu là sinh viên vừa tốt nghiệp). Không yêu cầu mục này với thí sinh làm nghề tự do.
- Sơ yếu lý lịch tự thuật;
- Bản sao (có chứng thực) văn bằng, bảng điểm tốt nghiệp đại học và các chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu có);
- Bản sao bằng và bảng điểm thạc sĩ (có chứng thực);
- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có);
- 07 bản sao các bài báo khoa học đã công bố (nếu có) gồm: trang bìa, trang mục lục và toàn bộ bài báo khoa học, có bảng kê khai danh mục ở trang sau bìa lót;

Đối với đề tài nghiên cứu khoa học: sao chụp Quyết định/Hợp đồng giao đề tài nghiên cứu, Biên bản nghiệm thu đề tài và Bản tóm tắt nội dung nghiên cứu (khoảng 10 trang).

- 02 thư giới thiệu của 02 nhà khoa học (hoặc 01 thư của 01 nhà khoa học và 01 thư của Thủ trưởng trực tiếp đơn vị công tác của thí sinh);
- 01 bản gốc và 06 bản sao bài luận về dự định nghiên cứu của thí sinh (theo mẫu);
- Bản sao có chứng thực các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- Các giấy tờ xác định thâm niên nghề nghiệp;
- 01 bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định (theo mẫu);
- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe của bệnh viện đa khoa;
- 03 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên hệ của thí sinh;
- 2 ảnh 3x4, ghi rõ họ tên và ngày sinh của thí sinh sau ảnh.

2. Phát hành và nộp hồ sơ

Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh do Học viện Khoa học xã hội phát hành.

- Thời gian phát hành hồ sơ: Từ ngày 3 tháng 01 năm 2017 đến ngày 4 tháng 3 năm 2017.
- Thời gian nhận hồ sơ:
- + Hồ sơ dự tuyển NCS: Từ 6 tháng 2 đến ngày 4 tháng 3 năm 2017 (Hồ sơ dự thi đã nộp không trả lại).
- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:
- + Phòng Quản lý đào tạo, Học viện Khoa học xã hội, 477 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Điện thoại: 04 35528560; 04 35527738;

+ Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, 270 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 08 39990067;

+ Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Đà Nẵng, tổ 40, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Hòa Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng. Điện thoại: 05113703618; 05113962828.

VII. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN TUYỂN SINH

1. Địa điểm

- Địa điểm xét tuyển nghiên cứu sinh được tổ chức tại Học viện Khoa học xã hội, 477 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

2. Thời gian

- Thời gian xét tuyển nghiên cứu sinh dự kiến các ngày 24, 25, 26 tháng 3 năm 2017.
- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến từ ngày 17/4/2017 đến ngày 29/4/2017
- Thời gian nhập học: Dự kiến từ ngày 6/5/2017 đến ngày 14/5/2017

VIII. KINH PHÍ TUYỂN SINH

1. **Lệ phí đăng ký tuyển sinh:** 60.000 đồng/thí sinh/hồ sơ

2. **Lệ phí tuyển sinh:** Lệ phí xét tuyển nghiên cứu sinh: 200.000 đồng/thí sinh/hồ sơ

Thông tin chi tiết về tuyển sinh được cập nhật trên **Website:** <http://www.gass.edu.vn>

* Lưu ý:

- Thí sinh tham khảo kỹ Danh mục hướng nghiên cứu được Học viện công bố trên Website khi viết bài luận về dự định nghiên cứu.

- Dự định đề tài nghiên cứu của thí sinh phải có xác nhận và chữ ký của người được đề xuất hướng dẫn. Đề tài nghiên cứu và người hướng dẫn được đề nghị phải nằm trong danh mục các hướng nghiên cứu và danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh của Học viện Khoa học xã hội (xem tài liệu đính kèm trên Website của Học viện).

- Thí sinh đề xuất người hướng dẫn khoa học ngoài Học viện phải kèm theo bản Lý lịch khoa học của người hướng dẫn khoa học và thư giới thiệu ứng viên dự tuyển (có kê khai số lượng nghiên cứu sinh đã hướng dẫn và xác nhận đồng ý nhận hướng dẫn cuối thư).

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải gửi hồ sơ thẩm định văn bằng đến Cục khảo thí và kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có văn bản công nhận hợp lệ trước khi nộp hồ sơ.

- Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được thực hiện theo các quy định tại Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15/7/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007.

Nơi nhận:

- Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương;
- Các Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng trong cả nước;
- Các Trường đào tạo, bồi dưỡng của Đảng và Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội;
- Sở Nội vụ, Trường Chính trị tỉnh Thành phố trong cả nước;
- Các cơ quan tư pháp ở các địa phương;
- Lưu VT, ĐT.



GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Văn Đức

THÔNG BÁO TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2017

- Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học tại Học viện Khoa học xã hội thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 653/QĐ-KHXXH, ngày 27 tháng 4 năm 2011 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 5064/QĐ-BGDĐT, ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Chuyển đổi tên chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

- Căn cứ Quy trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Khoa học xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 3196/QĐ-HVKHXXH ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội;

Học viện Khoa học xã hội thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2017 như sau:

I. CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Các ngành, chuyên ngành tuyển sinh	Ngành, chuyên ngành đúng, ngành, chuyên ngành phù hợp
1	Hán Nôm, mã số: 60 22 01 04	Hán Nôm, Ngữ văn.
2	Triết học, mã số: 60 22 03 01	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Giáo dục chính trị
3	Lịch sử Việt Nam, mã số: 60 22 03 13	Lịch sử thế giới, Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử sử học và sử liệu học.
4	Dân tộc học, mã số: 60 31 03 10	Dân tộc học, Nhân học, Lịch sử, Xã hội học, Văn hóa các dân tộc thiểu số, Bảo tồn bảo tàng
5	Xã hội học, mã số: 60 31 03 01	Xã hội học, Công tác xã hội
6	Văn hóa học, mã số: 60 31 06 04	Văn hóa học, Quản lý văn hóa
7	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, mã số: 60 38 01 05	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Luật kinh tế, Luật quốc tế.
8	Luật kinh tế, mã số: 60 38 01 07	
9	Luật hiến pháp và luật hành chính, mã số: 60 38 01 02	
10	Luật hình sự và tố tụng hình sự, mã số: 62 38 01 04	
11	Quyền con người	

12	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; mã số: 60 38 01 01	
13	Tâm lý học, mã số: 60 31 04 01	Tâm lý học, Tâm lý học – giáo dục.
14	Ngôn ngữ học, mã số: 60 22 02 40	Ngôn ngữ học, Ngữ văn, Ngoại ngữ.
15	Chính sách công, mã số: 60 34 04 02	Chính sách công, Chính trị học, Hành chính, Luật học, Kinh tế, Quản lý xã hội, Khoa học Quản lý, Quản lý công, Chủ nghĩa xã hội khoa học.
16	Công tác xã hội, mã số: 60 90 01 01	Công tác xã hội, Quản lý xã hội, Xã hội học.
17	Quản trị kinh doanh, mã số: 60 34 01 02	Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế đầu tư, Kinh tế quốc tế, Quản lý kinh tế, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính – Ngân hàng, Kinh doanh thương mại, Quan hệ quốc tế, Tiếng Anh thương mại.
18	Quản lý giáo dục, mã số: 60 14 01 14	Quản lý giáo dục, Tâm lý – giáo dục, Giáo dục học, Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học.
19	Phát triển bền vững	Triết học, Địa lý, Xã hội học, Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế nông nghiệp, Khoa học môi trường (các chuyên ngành của Khoa học môi trường), Văn hóa, Quản trị, Khoa học quản lý, Khoa học Trái đất, Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Quản lý công nghiệp, Nhân học, Kiến trúc và quy hoạch, Khoa học giáo dục, Kinh doanh và quản lý, Báo chí và thông tin, Sản xuất và chế biến, Công tác xã hội, Chính sách công, Khoa học tự nhiên.
20	Văn học Việt Nam, mã số: 60 22 01 21	Lý luận văn học, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Văn học nước ngoài, Sư phạm ngữ văn, Hán Nôm, Ngôn ngữ học.
21	Văn học nước ngoài, mã số: 60 22 02 45	
22	Văn học dân gian, mã số: 60 22 01 25	
23	Lý luận văn học, mã số: 60 22 01 20	
24	Kinh tế học, mã số: 60 31 01 01	Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế lao động, Kinh tế tài chính – ngân hàng.
25	Việt Nam học, mã số: 60 22 01 13	Việt Nam học.
26	Châu Á học, mã số: 60 31 06 01	Trung Quốc học, Hàn Quốc học, Ấn Độ học, Nhật Bản học, Thái Lan học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Quốc tế học, Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc, Khu vực Thái Bình Dương học, Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, Ngôn ngữ và văn hóa Nhật Bản, Ngôn ngữ và văn hóa Thái Lan, Ngôn ngữ và văn hóa Ấn Độ.
27	Châu Âu học, mã số: 60 31 06 50	Ngành Châu Âu học do các trường Đại học nước ngoài cấp; Cử nhân Quốc tế học chuyên ngành Châu Âu học của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thuộc Đại học

		Quốc gia Hà Nội và các cơ sở đào tạo khác trong nước; Quốc tế học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, Kinh tế quốc tế.
28	Chính trị học, mã số: 60 31 02 01	Chính trị học, Giáo dục chính trị, Triết học, Luật học, Hành chính học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Xã hội học, Công tác xã hội, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Quản lý xã hội, Khoa học Quản lý.
29	Khảo cổ học, mã số: 60 22 03 17	Khảo cổ học, Lịch sử.
30	Kinh tế Quốc tế, mã số: 60 31 01 06	Kinh tế Quốc tế, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Quản trị kinh doanh, Quan hệ quốc tế, Luật Quốc tế.
31	Phát triển con người	Phát triển con người, Giáo dục chính trị, Triết học, Luật học, Hành chính học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Xã hội học, Công tác xã hội, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.
32	Quản lý kinh tế, mã số: 60 34 04 10	Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kiểm toán, Kinh tế học, các khối ngành kinh tế.
33	Tôn giáo học, mã số: 60 22 03 09	Tôn giáo học, Chính trị học, Giáo dục chính trị, Triết học, Luật học, Hành chính học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Xã hội học, Công tác xã hội, Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.
34	Quản lý khoa học và công nghệ, mã số: 60 34 04 12	Quản lý khoa học và công nghệ, Khoa học quản lý, Quản lý xã hội, Luật học, Hành chính học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Xã hội học.
35	Tài chính ngân hàng, mã số: 60 34 02 01	Tài chính ngân hàng, Tài chính doanh nghiệp, Quản lý tài chính công, Kinh doanh chứng khoán, Thuế, Hải quan, Bảo hiểm, Tài chính quốc tế, Định giá tài sản và kinh doanh bất động sản
36	Ngôn ngữ Anh, mã số: 60 22 02 01	Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh (tiếng Anh, Anh văn)

- Học viện Khoa học xã hội, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội tuyển sinh tất cả các ngành đào tạo nói trên;

- Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Đà Nẵng tuyển sinh trình độ thạc sĩ các ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Luật kinh tế; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Chính sách công; Quản trị kinh doanh; Quản lý kinh tế.

- Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyển sinh trình độ thạc sĩ các ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Luật kinh tế; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Triết học; Xã hội học; Chính sách công; Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế, Chính trị học.

- Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Tây Nguyên tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ các ngành: Quản lý giáo dục, Chính sách công, Tài chính ngân hàng.

II. HÌNH THỨC, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Hình thức đào tạo

Các lớp cao học được tổ chức học theo hình thức chính quy không tập trung.

2. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ: 02 năm.

3. Địa điểm tổ chức lớp học

+ Các lớp cao học được tổ chức học tại Học viện Khoa học xã hội, 477 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội;

+ Đối với học viên cao học tuyển sinh tại Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, 270 Nguyễn Trọng Tuyển, P8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Đà Nẵng, tổ 40, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Hòa Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng và Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Tây Nguyên, số 213, Đinh Tiên Hoàng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Học viện sẽ tổ chức học tập tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Buôn Ma Thuột nếu học viên có nhu cầu, được Học viện Khoa học xã hội đồng ý và cam kết nộp thêm khoản kinh phí hỗ trợ đào tạo theo quy định của Học viện.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2017 của Học viện Khoa học xã hội dự kiến là 1.600 chỉ tiêu. Số chỉ tiêu chính thức sẽ được thông báo sau khi Học viện Khoa học xã hội nhận được thông báo xác nhận chỉ tiêu đào tạo năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ tiêu cho mỗi ngành, chuyên ngành tuyển sinh được Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ quyết định dựa trên số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển vào các ngành, chuyên ngành và năng lực đào tạo của các ngành, chuyên ngành của Học viện.

III. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Thí sinh dự thi trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau:

- *Điều kiện về văn bằng:*

+ Có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi.

+ Đối với các văn bằng thuộc các ngành gần phải được học bổ sung kiến thức các môn học để có trình độ tương đương trước khi thi theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm Văn bản công nhận văn bằng của Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:*

Thí sinh tốt nghiệp đại học các ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Trường hợp thí sinh có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế thì phải có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

- *Có đủ sức khỏe để học tập.*

- *Nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định của Học viện.*

IV. HÌNH THỨC TUYỂN SINH

Người dự thi trình độ thạc sĩ phải tham dự kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ do Học viện Khoa học xã hội tổ chức gồm các môn sau:

- *Môn ngoại ngữ:* Tiếng Anh (trình độ B). Riêng đối với ngành Hán Nôm, Khảo cổ học, Châu Á học: Tiếng Trung (trình độ B); ngành Châu Âu học: tiếng Anh, tiếng Pháp (trình độ B); ngành Ngôn ngữ Anh: Tiếng Nga, Pháp, Trung (trình độ B).

- *Môn cơ bản:* + Triết học Mác – Lênin (đối với thí sinh dự thi các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ theo danh mục đào tạo đã nêu ở trên, trừ thí sinh dự thi ngành Ngôn ngữ Anh, Triết học);

+ Ngôn ngữ Anh (đối với ngành Ngôn ngữ Anh);

+ Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử (đối với ngành Triết học).

- Môn cơ sở:

- + Lịch sử triết học (đối với ngành Triết học);
- + Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (đối với các ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Luật kinh tế; Luật hiến pháp và luật hành chính; Luật hình sự và tổ tụng hình sự; Quyền con người);
- + Xã hội học đại cương (đối với ngành Xã hội học);
- + Văn hoá học (đối với ngành Văn hoá học);
- + Lịch sử Việt Nam (đối với ngành Lịch sử Việt Nam);
- + Dân tộc học đại cương (đối với ngành Dân tộc học);
- + Hán Nôm (đối với ngành Hán Nôm);
- + Tâm lý học chuyên ngành (đối với ngành Tâm lý học);
- + Ngôn ngữ học đại cương (đối với ngành Ngôn ngữ học);
- + Lý thuyết công tác xã hội (đối với ngành Công tác xã hội);
- + Những vấn đề cơ bản của Phát triển bền vững (đối với ngành Phát triển bền vững);
- + Đại cương quản lý giáo dục (đối với ngành Quản lý giáo dục);
- + Nguyên lý quản trị kinh doanh (đối với ngành Quản trị kinh doanh);
- + Những vấn đề cơ bản về chính sách công (đối với ngành Chính sách công);
- + Kinh tế học vĩ mô (đối với ngành Kinh tế học, Quản lý kinh tế);
- + Những vấn đề cơ bản của lý luận văn học (đối với các ngành: Văn học Việt Nam; Văn học nước ngoài; Văn học dân gian; Lý luận văn học);

- + Những vấn đề cơ bản về Việt Nam học (đối với ngành Việt Nam học);
- + Những vấn đề cơ bản về Châu Âu học (đối với ngành Châu Âu học);
- + Những vấn đề cơ bản về Châu Á học (đối với ngành Châu Á học);
- + Những vấn đề cơ bản về Chính trị học (đối với ngành Chính trị học);
- + Những vấn đề cơ bản về Khảo cổ học Việt Nam (đối với ngành Khảo cổ học);
- + Những vấn đề cơ bản về Kinh tế Quốc tế (đối với ngành Kinh tế Quốc tế);
- + Những vấn đề cơ bản về Phát triển con người (đối với ngành Phát triển con người);
- + Những vấn đề cơ bản về Tôn giáo học (đối với ngành Tôn giáo học);
- + Những vấn đề cơ bản về quản lý khoa học và công nghệ (đối với ngành Quản lý KH&CN);
- + Tài chính doanh nghiệp và nghiệp vụ ngân hàng thương mại (đối với ngành Tài chính ngân hàng);
- + Kỹ năng thực hành tiếng Anh (đối với ngành Ngôn ngữ Anh).

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ quy định ở trên thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- + Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- + Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;
- + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;
- + Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ do một cơ sở đào tạo ngành ngoại ngữ cấp đạt tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày

cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

3. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Đối tượng ưu tiên:

- Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực I trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực I theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

b) Về chính sách ưu tiên:

- Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên theo quy định được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm vào kết quả thi (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi môn cơ bản hoặc môn cơ sở;

- Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

VI. HỒ SƠ TUYỂN SINH

Hồ sơ dự thi trình độ thạc sĩ gồm có:

1. Đơn đăng ký dự thi trình độ thạc sĩ (theo mẫu);

2. Phiếu đăng ký dự thi trình độ thạc sĩ 02 bản (theo mẫu);

3. Công văn cử đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước;

4. Sơ yếu lý lịch tự thuật;

5. Bản sao (có chứng thực) Bằng đại học và bảng điểm;

6. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa;

7. Bản sao có xác nhận các quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng để chứng nhận thời gian thâm niên công tác;

8. Bản sao có chứng thực giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (đối với người dự thi là thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động; Người dân tộc thiểu số; Người đang công tác liên tục được hai năm trở lên tại các khu vực vùng cao, miền núi, hải đảo, vùng sâu, tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi. Danh mục các xã, phường, thị trấn thuộc vùng cao, miền núi do Ủy ban Dân tộc và Miền núi xét công nhận);

9. 01 bản cam kết thực hiện nghĩa vụ học tập và chế độ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định (theo mẫu);

10. 06 ảnh (trong đó: 2 ảnh 3 x 4, 4 ảnh: 4 x 6) cho vào phong bì ghi rõ họ tên và ngày sinh của thí sinh sau ảnh;

11. 03 phong bì của Học viện có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên hệ của thí sinh.

3. Phát hành và nộp hồ sơ

Hồ sơ dự thi trình độ thạc sĩ do Học viện Khoa học xã hội phát hành.

- Phát hành hồ sơ dự thi: Từ ngày 03 tháng 01 năm 2017 đến ngày 18 tháng 2 năm 2017

- Nhận hồ sơ đăng ký dự thi: Từ ngày 16 tháng 01 đến ngày 18 tháng 2 năm 2017 (Hồ sơ dự thi đã nộp không trả lại).

- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:

+ Phòng Quản lý đào tạo, Học viện Khoa học xã hội, 477 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Điện thoại: 04 35527728; 04 35527738;

+ Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, 270 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 08 39990067;

+ Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Đà Nẵng, tổ 40, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Hòa Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng. Điện thoại: 05113703618; 05113962828. Fax: 05113962828.

+ Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Tây Nguyên, số 213, Đinh Tiên Hoàng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại: 05003555789.

VII. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VÀ TUYỂN SINH

1. Địa điểm

+ Địa điểm hướng dẫn ôn tập, thi tuyển trình độ thạc sĩ được tổ chức tại Học viện Khoa học xã hội, 477 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội; Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, 270 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh; Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Đà Nẵng, tổ 40, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Hòa Quý, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng và Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Tây Nguyên, số 213, Đinh Tiên Hoàng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại: 05003555789.

2. Thời gian

- Thời gian hướng dẫn ôn tập và giải đáp thắc mắc tuyển sinh thạc sĩ (nếu thí sinh có nhu cầu; Học viện chỉ mở lớp khi có đủ số lượng thí sinh đăng ký) được thực hiện từ ngày 23 tháng 2 đến ngày 5 tháng 3 năm 2017.

- Thời gian thi tuyển trình độ thạc sĩ: dự kiến các ngày 17, 18 và 19 tháng 3 năm 2017.

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến ngày 17/4/2017 đến ngày 29/4/2017.

- Thời gian nhập học: Dự kiến từ ngày 6/5/2017 đến ngày 21/5/2017.

VIII. KINH PHÍ TUYỂN SINH

1. Lệ phí đăng ký tuyển sinh: 60.000 đồng

2. Lệ phí tuyển sinh: - Lệ phí thi tuyển cao học: 360.000 đồng

Thông tin chi tiết về tuyển sinh được cập nhật trên Website: <http://www.gass.edu.vn>

Nơi nhận:

- Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương;
- Các Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng trong cả nước;
- Các Trường đào tạo, bồi dưỡng của Đảng và Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội;
- Sở Nội vụ, Trường Chính trị tỉnh Thành phố trong cả nước;
- Các cơ quan tư pháp ở các địa phương;
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Phạm Văn Đức